

MẶT TRẬN DÂN TỘC - CON ĐƯỜNG HỢP LỰC CÁC TÔN GIÁO TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 Ở INDONESIA*

BÙI THỊ ÁNH VÂN**

Tóm tắt: Cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Indonesia kết thúc thắng lợi với sự ra đời của nước Cộng hòa Indonesia. Sự thắng lợi của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trên đất nước đảo dừa do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan; và một trong những nhân tố rất quan trọng - đó chính là đóng góp của các lực lượng tôn giáo trong cùng mặt trận dân tộc thống nhất. Dưới ngọn cờ độc lập Merdeka, các giai cấp, các lực lượng xã hội Indonesia thuộc các tôn giáo khác nhau đã kề vai sát cánh cùng đấu tranh vì độc lập tổ quốc và giành được thắng lợi cuối cùng. Bài viết tập trung vào ba nội dung chính: Khái lược về Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Indonesia, Mặt trận dân tộc - Con đường hợp lực của cách mạng; Các lực lượng tôn giáo đoàn kết đấu tranh vì mục tiêu chung của cách mạng dân tộc.

Từ khóa: cách mạng Dân tộc, Cách mạng Tháng Tám 1945, Các lực lượng tôn giáo, Mặt trận dân tộc, Indonesia.

Mở đầu

Từ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở Indonesia liên tục diễn ra. Từ khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (1939- 1945), các giai cấp, tầng lớp thuộc những lực lượng tôn giáo khác nhau ở quần đảo Nam Dương này đã tự giác đứng trong cùng trận tuyến, thúc đẩy phong trào dân tộc phát triển ngày càng mạnh mẽ. Tháng 8/1945, phát xít Nhật, kẻ thù duy nhất của nhân dân Đông Nam Á, đã gục ngã. Chớp

“thời cơ ngàn năm có một”, nhân dân Indonesia vùng dậy dưới sự lãnh đạo của Đảng Dân tộc, tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công⁽¹⁾.

1. Khái lược về Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Indonesia

Tháng 8/1945, phát xít Nhật, kẻ thù duy nhất của nhân dân Đông Nam Á, đã gục ngã. Ngày 10/8/1945, Nhật tuyên bố sẵn sàng chấp nhận những quyết định của Hội nghị Potsdam. Đây là điều kiện vô cùng

* Bài viết này là kết quả của đề tài khoa học cấp Cơ sở “Cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở In-đô-nê-xia trong bối cảnh quốc tế và khu vực - Một cách tiếp cận mới” (Mã số: CS.2022.33) được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

** TS. Bùi Thị Ánh Vân, Trường Đại học KHXH và NV - ĐHQG Hà Nội

thuận lợi cho các quốc gia ở khu vực này vùng dậy giành độc lập trước khi quân đội Đồng Minh tiến vào. Tình hình cấp bách đòi hỏi phải hành động khẩn trương⁽²⁾ bởi nếu chậm trễ thì cơ hội không còn nữa. Giờ đây, toàn dân tộc Indonesia đều nhận thức được rằng, phải gạt bỏ mọi hiềm khích giữa các lực lượng cách mạng, giữa các tôn giáo và nhanh chóng tiến hành khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền từ tay Nhật. “Ngay sau khi nghe tin Nhật đầu hàng Đồng minh (15/8/1945), Ủy ban Chuẩn bị đã khẩn trương hoạt động⁽³⁾”.

Lúc này ở Indonesia có nhiều đảng phái chính trị hoạt động và theo các nhà sử học đánh giá, trong các đảng phái đó, mạnh nhất là Đảng Dân tộc PNI (một số tài liệu đề cập đến với tên gọi: “Đảng Quốc Dân”)⁽⁴⁾ do Acmet Sukarno (tiếng Indonesia: Kusno Sosrodihardjo) lãnh đạo. Chiều 15/8/1945, dưới sự chủ tọa của Chairul Saleh Dt Paduko Rajo, nhóm thủ lĩnh các tổ chức thanh niên chống Nhật đã tiến hành một cuộc họp, với tinh thần cơ bản là “yêu cầu Sukarno tuyên bố độc lập”⁽⁵⁾. Ngay sau khi bàn bạc, họ đã quyết định nhanh chóng đến nhà bác sỹ Sukarno thương lượng. Vận mệnh quốc gia dân tộc cần đặt lên hàng đầu, giờ không thể tính toán đến lợi ích giai cấp, không thể tồn tại mãi tỵ hiềm giữa các tôn giáo. Điều này đã khiến cho Sukarno (lãnh tụ Đảng Dân tộc) và Mohammad Hatta (lãnh tụ Đảng Matxumi) nhanh chóng thống nhất đi đến quyết định sẽ tuyên bố Indonesia độc lập. Việc soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập được Sukarno chấp bút rất nhanh. Các lực lượng cách mạng cùng ký vào bản Tuyên ngôn (16/8/1945) và quyết định sẽ tuyên bố độc lập vào ngày 17/8/1945. Ngày 17/8/1945 đã đi vào lịch sử Indonesia, đánh dấu ách chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân phương

Tây và phát xít Nhật, mở ra thời kỳ độc lập tự do của Cộng hòa Indonesia. Nước Cộng hòa Indonesia ra đời.

Sau khi tuyên bố độc lập, các lực lượng cách mạng đã kêu gọi nhân dân cả nước đứng lên đấu tranh. Hưởng ứng lời vận động, toàn dân tộc Indonesia đã nổi dậy đấu tranh, đánh đuổi phát xít Nhật, giành độc lập dân tộc. Những cuộc đấu tranh sôi nổi đã diễn ra ở khắp mọi nơi, tiêu biểu ở Jakarta, Xurabaya⁽⁶⁾... Nhân dân các thành phố lớn đã nổi dậy chiếm lĩnh công sở, đài phát thanh và giành lấy chính quyền.

Nhiệm vụ tiếp theo là phải tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho sự tồn tại của chính quyền cách mạng. Ngay ngày hôm sau (18/8), hội nghị “Ủy ban trừ bị độc lập” đã họp với hai nội dung cơ bản: thông qua Hiến pháp và bầu Sukarno làm tổng thống. Ngày 04/9/1945, Chính phủ quốc gia đầu tiên ở Indonesia thành lập, đứng đầu là tổng thống Sukarno⁽⁷⁾. Như vậy, mọi thủ tục mang tính chất pháp lý bảo đảm cho nền độc lập của Indonesia đã được hoàn thành.

2. Mặt trận dân tộc - Con đường hợp lực của cách mạng Indonesia

Ở các nước Đông Nam Á nói chung và Indonesia nói riêng, ý thức tập hợp lực lượng dân tộc trong cùng mặt trận là một hiện tượng phổ biến trong các thời kỳ lịch sử. Đây là cách thức hợp lực mọi tầng lớp, mọi tôn giáo trong xã hội để tạo nên sức mạnh; từ đó, đánh bại chủ nghĩa thực dân. Vấn đề thành lập mặt trận dân tộc được coi như là một biện pháp tối ưu tạo nên sức mạnh hợp lực toàn dân tộc Indonesia lúc này. Mặt trận dân tộc của Indonesia đã tập hợp được nhiều nhân sĩ, trí thức tiêu biểu, tập hợp được nhiều lực lượng tôn giáo khác nhau. “Các giai cấp, tầng lớp xã hội đều được quy tụ vì mục đích quyền lợi dân tộc”⁽⁸⁾. Có thể nói, mặt trận này là biểu

tượng của việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Với mục tiêu hòa bình, độc lập, dân chủ, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần..., tổ chức này đã có những đóng góp to lớn trong việc phát huy vai trò của mình trong sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước Indonesia.

Ngay từ đầu thế kỷ XX, phong trào dân tộc Indonesia phát triển bởi tinh thần dân tộc được thức tỉnh và ngày càng trở nên mạnh mẽ trong mỗi dân bản địa. Đảng Cộng sản Indonesia (Partai Komunis Indonesia, PKI)⁽⁹⁾ ra đời năm 1920, sớm nhất so với Đảng Cộng sản ở các nước Đông Nam Á. Cuộc khởi nghĩa vũ trang đầu tiên do đảng lãnh đạo nổ ra vào năm 1926 - 1927. Sự kiện này được đông đảo quần chúng quan tâm và ủng hộ. Tuy nhiên, do chưa có nhiều kinh nghiệm trong đường lối lãnh đạo nên cuộc khởi nghĩa không đạt được mục tiêu. Nghiên cứu của học giả Nguyễn Văn Hồng cho biết: “Phong trào cũng bị sai lầm tả khuynh ấu trĩ làm cho thất bại”⁽¹⁰⁾. Tuy nhiên, những lãnh tụ Đảng Cộng sản không hề nản chí và tiếp tục khôi phục lực lượng cách mạng. Đến đầu năm 1941, cánh tả của đảng này cùng lực lượng thanh niên cấp tiến đã thành lập một mặt trận chống phát xít lấy tên là *GERAF*, quy tụ quần chúng Indonesia đứng lên đấu tranh chống phát xít, chống chiến tranh.

Năm 1927, ngay khi phong trào do Đảng Cộng sản lãnh đạo thất bại, Đảng Dân tộc PNI⁽¹¹⁾ (Partai Nasional Indonesia, PNI) được thành lập. Đây là một đảng chính trị theo chủ nghĩa dân tộc ở Indonesia. Đảng đã quy tụ được nhiều lực lượng xã hội theo tư tưởng dân chủ tư sản. Nổi bật trong các sự kiện do PNI lãnh đạo là phong trào thanh niên học sinh, sinh viên đấu tranh đề cao việc thống nhất ngôn ngữ, quốc ca, quốc kỳ Indonesia và hướng thành lập một Hội đồng dân biểu

thống nhất chung cho cả vùng quần đảo. Điều đáng tiếc là phong trào diễn ra trong thời gian ngắn bởi Sukarno và một số lãnh tụ của đảng bị chính quyền thực dân Hà Lan bắt giữ. Trước Chiến tranh thế giới thứ II, các lực lượng dân tộc của Indonesia đã quy tụ lại trong *Mặt trận nhân dân GERINDO* (Gerakan Rakjat Indonesia). Đến tháng 5/1939, tổ chức này phát triển thành *Liên minh chính trị GAPI*. Hai năm sau, tháng 2/1941, Liên minh chính trị thành lập *Ủy ban thường trực* (Madjelis Rakjat Indonesia)⁽¹²⁾. Tổ chức này có sự tham gia của các lực lượng thuộc giai cấp tư sản, trí thức dân chủ tư sản. Ủy ban thường trực chủ trương đấu tranh ôn hòa và họ cũng thiết lập quan hệ và hợp tác cùng hoạt động dưới thời Sukarno. Những chủ trương và biện pháp đấu tranh của Liên minh chính trị GAPI cùng uy tín của lãnh tụ tổ chức này đã khiến họ nhận được sự ủng hộ của đông đảo các tầng lớp Indonesia. Ngược lại, mặt trận chống phát xít *GERAF* (mà Đảng Cộng sản là hạt nhân) đã không đứng vững và phát triển được. Điều này hoàn toàn trái ngược với Việt Nam đương thời, khi mà hạt nhân của mặt trận dân tộc thống nhất (từ năm 1941 tên là Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh) là Đảng Cộng sản ở nước này lại quy tụ được hầu hết các lực lượng trong xã hội.

Như đã trình bày ở trên, phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Indonesia ngay từ đầu thế kỷ XX đã có sự lãnh đạo của nhiều đảng chính trị khác nhau, tiêu biểu là Đảng Cộng sản Indonesia (Partai Komunis Indonesia/PKI) theo tư tưởng cách mạng vô sản⁽¹³⁾, Đảng Dân tộc Indonesia⁽¹⁴⁾ (PNI) theo tư tưởng dân chủ tư sản, Đảng Islam giáo Masjumi⁽¹⁵⁾. Dù là đảng chính trị nào lãnh đạo, quần chúng nhân dân và tín đồ ở các tôn giáo khác nhau đều nhiệt tình ủng hộ. Trong những năm 40 của thế

kỷ XX, “hai đảng mạnh PNI và đảng Islam giáo Masjumi nắm quyền chi phối con đường phát triển cách mạng lúc bấy giờ”⁽¹⁶⁾. Đến trước chiến tranh thế giới thứ II, phong trào dân tộc đều quy tụ lại thành *Mặt trận nhân dân Gerindo*⁽¹⁷⁾ (Gerakan Rakjat Indonesia/Phong trào nhân dân Indonesia), sau đó đến tháng 5/1939 phát triển thành *Liên minh chính trị GAPI* (The Indonesian Political Federation)⁽¹⁸⁾.

Tháng 2/1941, Liên minh chính trị thành lập *Ủy ban thường trực* (Madjelis Rakjat Indonesia). Ủy ban này hội tụ lực lượng dân tộc tư sản, trí thức dân chủ tư sản. Vì đa số thành viên là các tín đồ tôn giáo, nên họ đều tán thành chủ trương đấu tranh ôn hòa. Đảng Dân tộc PNI do Sukarno (một tín đồ Islam giáo), lãnh đạo đảng thắng thế và con đường ôn hòa của đảng này được dân tộc Indonesia đương thời lựa chọn.

Khi Nhật đánh chiếm Indonesia, chúng thả Sukarno ra khỏi nhà tù của Hà Lan (1942)⁽¹⁹⁾ với mục đích sử dụng ông như một ngọn cờ dân tộc để tập hợp lực lượng ủng hộ Nhật. Tuy nhiên, Sukarno đã lợi dụng Nhật để kích dậy tinh thần dân tộc và xây dựng lực lượng cách mạng vì “Độc lập” (Merdeka). Để thực hiện mục tiêu đó, Sukarno đã đoàn kết nhiều thế lực chính trị, đoàn kết các tín đồ tôn giáo. Mặc dù bản thân là tín đồ Islam giáo, nhưng ông và ban lãnh đạo Đảng Dân tộc Indonesia đã nỗ lực “tìm cái chung nhất cấu thành những nguyên tắc Pancasila vào tháng 5/1945”⁽²⁰⁾. Đó cũng chính là một trong những kết quả lớn nhất của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 và nhân dân Indonesia xem đó là nguyên tắc dựng nước.

Indonesia là một quốc gia đa tôn giáo nên triết lý tôn giáo đã ảnh hưởng nhiều đến tư tưởng của các tín đồ. Điều này được thể hiện khá rõ trong cuộc Cách mạng

Tháng Tám (1945) ở quốc gia này. Các nhà nghiên cứu Vũ Dương Ninh, Jan Pluvier, Nguyễn Văn Hồng trong công trình của mình đã khẳng định: “Sự đoàn kết của Indonesia nhờ vào nhận thức tâm linh nhiều hơn về hoạt động tổ chức có tính chất vật chất”⁽²¹⁾. Xét ở góc độ tôn giáo học, nhận định này rất có cơ sở. Tư tưởng ôn hòa của lãnh tụ Sukarno đã được hình thành trên nền tảng truyền thống “đi hòa” cộng đồng Desa “*Bhineka Tunggal Ika*” (“Thống nhất trong đa dạng”). Đến nay, Pancasila vẫn giữ nguyên giá trị thiêng liêng của nó trong đời sống tư tưởng của nhân dân Indonesia.

3. Các lực lượng tôn giáo đoàn kết đấu tranh vì mục tiêu chung của cách mạng dân tộc

Giữa các tín đồ Islam giáo và Ki-tô giáo ở Indonesia thường có những tị hiềm. Tác giả cuốn “*The South Moluccans: Background to the train hijackings*” cho biết, tín đồ đạo Islam có tinh thần chống chủ nghĩa thực dân ở nhiều địa phương (đặc biệt là Java), luôn có nhiều hành động gạt bỏ những người theo đạo Thiên chúa ra khỏi trung tâm của thức hệ⁽²²⁾. Tuy nhiên, khi vấn đề giải phóng dân tộc được đặt ra, sự đoàn kết giữa các tín đồ tôn giáo đã nảy nở và phát triển. Điều này thể hiện rõ nét nhất ở Ambon⁽²³⁾. Tại đây có nhiều người theo đạo Ki-tô có quan hệ đặc biệt với chính quyền thực dân Hà Lan. Họ làm việc cho các cơ quan hoặc học tập tại những trường học. Mặc dù, tín đồ Ki-tô giáo không trở thành những người dân tộc chủ nghĩa, nhưng họ cũng bị ảnh hưởng phần nào đó từ “Quan điểm Indonesia”. Tháng 5/1920, *Sarekat Ambon* (Hội những người Ambon) đã được thành lập ở Semarang (Java). Thành phần cơ bản trong tổ chức này là tín đồ Ki-tô giáo người Ambon sống

ở Java. Nhận định về Sarekat Ambon, Ben Van Kaam trong công trình nghiên cứu của mình đã viết như sau: “Một nhóm người mới, cấp tiến, được đào tạo ở Java, có “khuyh hướng Indonesia” đã xuất hiện từ bên trong tầng lớp trên ở Ambon theo đạo Thiên chúa”⁽²⁴⁾. Đồng quan điểm này, trong tác phẩm “*Lịch sử Đông Nam Á hiện đại*”, học giả Clive J. Christie cho rằng: “Đây cơ bản là một tổ chức giáo dục và phúc lợi, nhưng nó dứt khoát là một bộ phận của cuộc “cách mạng văn hóa” mới đang bắt đầu lan tràn khắp Đông Ấn”⁽²⁵⁾.

Có thể thấy, tinh thần dân tộc đã khiến các tín đồ Islam giáo và Ki-tô giáo xích lại gần nhau trong một mặt trận dân tộc. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai, các làng xã Islam giáo ở Ambon kiên quyết không đứng về phía Hà Lan. Những tín đồ Islam giáo và tín đồ Ki-tô giáo người Ambon sống ở thành phố đều tán đồng tư tưởng dân tộc chủ nghĩa. “Một số lượng ngày càng tăng những người Ambon đi học ở thành phố - cả theo đạo Thiên chúa và đạo Islam - đều có xu hướng đi theo điều có thể được gọi là *Cách nhìn Indônêsi*”⁽²⁶⁾. Các tác giả cuốn “*Regional Dynamics of the Indonesian Revolution: Unity from Diversity*” đã đưa ra bình luận về Sarekat Ambon của những người Ambon theo Ki-tô giáo như sau: “Họ không những thách thức sự kìm kẹp của những luật tục (*adat*) bản xứ và quy chế của các nhiếp chính truyền thống, mà cuối cùng nó (Sarekat Ambon - Tác giả) thách thức cả tính hợp pháp của chế độ cai trị Hà Lan”⁽²⁷⁾. Sau này, khi Nhật chiếm Ambon (1942), tín đồ Islam giáo và Ki-tô giáo lại tiếp tục sát cánh bên nhau, cùng toàn dân tộc Indonesia đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng Dân tộc do bác sĩ Sukarno đứng đầu.

Một địa phương cũng diễn ra các hoạt động yêu nước rất sôi nổi của người Islam

giáo đó là Aceh. Tại đây có sự kết nối khá tốt giữa tổ chức thanh niên *Permuda* với những tổ chức Islam giáo chịu ảnh hưởng của *Hội Các học giả tôn giáo toàn Aceh* (PUSA/Pertatuan Ulama Seluruh Aceh, thành lập năm 1939)⁽²⁸⁾. Ngay sau khi tuyên bố độc lập, đất nước Indonesia đã bước vào cuộc kháng chiến chống Hà Lan xâm lược trở lại. Tháng 10/1945, bốn trong các *ulama* của Aceh - kể cả Daud Beureueh - đã in dấu sâu đậm của Islam giáo vào cuộc chiến tranh thần thánh hay là *perang sabil*. Đối với người dân bản địa mà đa số là tín đồ Islam giáo, việc Hà Lan thiết lập trở lại ách thống trị ở Indonesia cũng chính là mối đe dọa lớn đối với sự tồn vong của tôn giáo này. Ngay lập tức, họ đã ra bản tuyên bố kêu gọi tất cả toàn dân tộc hãy đoàn kết xung quanh chính phủ Sukarno để bảo vệ quốc gia và đạo Islam. Việc Aceh tuyên bố các *ulama* của mình tiếp tục cuộc chiến tranh giành độc lập không chỉ hiểu là họ đang chiến đấu để bảo vệ độc lập tổ quốc, mà còn để bảo vệ tôn giáo của mình. Nhận định về sự kiện này, trong tác phẩm “*Lịch sử Đông Nam Á hiện đại*”, học giả Clive J. Christie cho rằng: “Đó là sự tái khẳng định rõ ràng lòng trung thành đối với độc lập; Còn theo cách hiểu của Aceh, đó là ngụ ý khẳng định lại các giá trị của Islam giáo và quyền lãnh đạo của Islam giáo trong tiến trình cách mạng”⁽²⁹⁾. Tiến trình lịch sử ở Indonesia cuối năm 1945 cho thấy, nhận xét của Clive không hẳn không có cơ sở.

Như đã nói ở trên, tình hình chính trị và tôn giáo ở Indonesia đầu thế kỷ XX rất phức tạp. Do đó, bộ máy chính quyền được thành lập sau Cách mạng Tháng Tám 1945 bao gồm nhiều thành phần tham gia với các xu hướng chính trị, tôn giáo khác nhau. Trong bối cảnh đó, lãnh tụ Sukarno mặc dù là một tín đồ Islam giáo, thuộc về

một đảng chính trị nhất định là Đảng Dân tộc Indonesia, đã buộc phải khéo léo trong đường lối lãnh đạo. Viết về sự linh hoạt và khôn ngoan của vị lãnh đạo Đảng Dân tộc PNI, nghiên cứu của PGS Nguyễn Văn Hồng cho biết: “Sukacno quyết định về danh nghĩa ông không tham gia đảng nào”⁽³⁰⁾. Đây là một bước đi sáng suốt của tổng thống đầu tiên của Cộng hòa Indonesia. Có thể thấy, giữa nhiều mối phức tạp của tình hình chính trị, tôn giáo, vị lãnh tụ đảng PNI (theo tư tưởng dân chủ tư sản) đồng thời cũng là một tín đồ Islam giáo, đã rất sáng suốt khi lựa chọn chất keo dân tộc để kết dính các đảng phái, các thế lực chính trị, các tôn giáo. Thành quả thu được từ những nỗ lực đó chính là sự ra đời của một khối đoàn kết dân tộc cùng chung mục đích và sẵn sàng hành động vì cuộc cách mạng dân tộc. Có thể thấy, cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 đã hội tụ đầy đủ các lực lượng yêu nước trong cùng mặt trận dân tộc⁽³¹⁾. Sự hợp lực mọi thành phần, mọi tín đồ của các tôn giáo dưới ngọn cờ độc lập “Merdeka” là nguyên nhân chính yếu nhất đưa đến sự thành công của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Indonesia. Có thể khẳng định rằng, lực lượng “thống nhất trong đa dạng” (“*Bhineka Tunggal Ika*”)⁽³²⁾ tạo nên con đường ôn hòa để liên hiệp các lực lượng cách mạng của Indonesia.

Do sự hợp lực của các đảng phái chính trị, các lực lượng tôn giáo trong đấu tranh mà thành quả cách mạng là của chung toàn dân tộc Indonesia. Chính quyền được thành lập sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Indonesia vì thế mang tính chất liên minh mặt trận rõ rệt. Đó chính là sự “Thống nhất trong đa dạng” nguyên tắc tổ chức Nhà nước, tư tưởng tổ chức Nhà nước được nêu trên lá cờ của nền cộng hòa dân tộc⁽³³⁾. Tuy mỗi cá nhân

thuộc về một giai cấp, một tôn giáo cụ thể nhưng họ sẵn sàng gạt bỏ những mâu thuẫn quyền lợi, sự đối địch để đoàn kết với nhau vì sự độc lập và thống nhất của dân tộc. Tuy nhiên, do tư tưởng triết học của mỗi tôn giáo có nhiều điểm khác biệt nên thường nảy sinh sự bất đồng giữa các tín đồ. Chính vì vậy, Sukarno đã đưa ra 5 nguyên tắc⁽³⁴⁾, trong đó có nguyên tắc “Lòng tin Thượng đế”. Đây là một chất keo tinh thần linh thiêng kết nối các giai cấp, các đảng phái trong đấu tranh. Đồng thời, nó cũng chính là “lòng tin ở phép nhiệm màu” và mang lại cho họ sức mạnh. Điều quan trọng là ở Indonesia, đạo Islam lại có vị trí gần như quốc giáo.

Những đóng góp tích cực của các lực lượng tôn giáo trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc tháng 8/1945, những tư tưởng triết học trong tôn giáo hoàn toàn xứng đáng được coi là cơ sở để tham gia xây dựng hiến pháp của Cộng hòa Indonesia độc lập. Trong “Lời nói đầu” Hiến pháp 1945 có nhắc đến *Pancasila*⁽³⁵⁾ - cái được coi là triết lý về nhà nước, là nền tảng của pháp luật Indonesia. Khi soạn thảo năm nguyên tắc theo *Pancasila*⁽³⁶⁾, tổng thống Sukarno dự định thống nhất các hòn đảo riêng lẻ của Indonesia.

Kết luận

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Indonesia là kết quả của sự tranh đấu đầy quả cảm của khối đại đoàn kết dân tộc Indonesia. Ở một góc độ khác, đó cũng là sự kê vai sát cánh của các lực lượng tôn giáo vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Với một đất nước đa tôn giáo, người lãnh đạo cách mạng chỉ có thể gạt bỏ quan điểm tôn giáo của cá nhân và đặt lợi ích dân tộc lên hàng đầu mới có thể tập hợp các lực lượng xã hội trong mặt trận dân tộc thống nhất. Những bài học

đem lại từ cuộc cách mạng này đã bổ sung thêm kinh nghiệm vào kho tàng nghệ thuật cách mạng của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới./.

CHÚ THÍCH

1. Bùi Thị Ánh Vân (2011), “Nét độc đáo của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Indônêxia”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 5 (134)/ 2011, tr.33-40.
2. Daniel George Edward Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.1204; Phạm Gia Hải (cb/1992), *Lịch sử thế giới Cận đại (1871-1918)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.256-257.
3. Daniel George Edward Hall (1997), *tlđđ*, tr.1204.
4. Phạm Gia Hải (Cb/1992), *tlđđ*, tr. 256-257; Nguyễn Anh Thái (Cb/1996), *Lịch sử thế giới hiện đại (1945-1995)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 63.
5. Merle Calvin Ricklefs (1982), *A History of Modern Indonesia*, Macmillan Southeast Asian reprint, ISBN 0-333-24380-3, p. 264; Nguyễn Đình Lê, Nghiêm Đình Vỹ (1987), *Trên đất nước những đảo Đưa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.98-99.
6. Nguyễn Anh Thái (cb/1996), *tlđđ*, tr.63.
7. Viện Đông Nam Á (1974), *Các nước Đông Nam Á*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr. 97.
8. Nguyễn Văn Hồng (1991), *Indônêxia đấu tranh vì độc lập tự do (1942 – 1950)*, Đại học Tổng hợp Hà Nội, Hà Nội, tr. 73.
9. Nguyễn Anh Thái (Cb/ 2010), *Lịch sử thế giới hiện đại*, Nxb Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội, tr. 124.
10. Nguyễn Văn Hồng (1991), *tlđđ*, tr. 73.
11. Kahin, George McTurnan (1970), *Nationalism and Revolution in Indonesia*. Ithaca, New York: Cornell University Press, p. 90–92.
12. Nguyễn Văn Hồng (1991), *tLđđ*, tr.73.
13. Nguyễn Anh Thái (Cb/2010), *tlđđ*, tr.124.
14. Kahin, George McTurnan (1970), *tlđđ*, p.90–92.
15. *Đảng Masyumi* (tiếng Indonesia: Partai Majelis Syuro Muslimin Indonesia, viết tắt: “Hội đồng các hiệp hội Islam giáo Indonesia”) là một đảng chính trị Islam giáo lớn ở Indonesia trong thời kỳ Dân chủ Tự do ở Indonesia. Tháng 11/1943, người Nhật thành lập Masjumi với nỗ lực kiểm soát Islam giáo ở Indonesia. Nó đã bị cấm vào năm 1960 bởi Tổng thống Sukarno vì ủng hộ cuộc nổi dậy của PRRI (Theo: Madinier, Rémy (2015). *Islam and Politics in Indonesia: The Masyumi Party between Democracy and Integralism*. Translated by Desmond, Jeremy. Singapore: NUS Press. ISBN 978-9971-69-843-0, p.52-56.
16. Nguyễn Văn Hồng (2001), *Mấy vấn đề về lịch sử châu Á và lịch sử Việt Nam – Một cách nhìn*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, tr.117.
17. *Phong trào Nhân dân Indonesia* (Gerindo) là một tổ chức phong trào quốc gia được thành lập vào ngày 24/5/1937 tại Jakarta.
18. Cribb, R.B; Kahin, Audrey (2004). *Historical Dictionary of Indonesia*, Scarecrow Press, ISBN 9780810849358, p.157.
19. Nguyễn Văn Hồng (1991), *tlđđ*, tr.20.
20. Vũ Dương Ninh, Jan Pluvier, Nguyễn Văn Hồng (2005), *Đông Nam Á tháng Tám 1945*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 236.
21. Vũ Dương Ninh, Jan Pluvier, Nguyễn Văn Hồng (2005), *tlđđ*, tr. 237.
22. Ben Van Kaam (1980), *The South Moluccans: Background to the train hijackings (Nam Molucca: Bối cảnh của các vụ bắt cóc tàu hỏa)*, Hurt Publishing, London, p.26-42.
23. *Ambon* (tiếng Indonesia: Kota Ambon hay Ambong trong tiếng Ambon) là tỉnh lỵ và thành phố lớn nhất tỉnh Maluku. Thành phố nằm trên đảo Muluku.
24. Ben Van Kaam (1980), *tlđđ*, p. 43-53.
25. Clive J. Christie (2000), *tlđđ*, tr. 204.
26. Clive J. Christie (2000), *tlđđ*, tr. 204.
27. Audrey R Kahin (Chủ biên/1985), *Regional Dynamics of the Indonesian Revolution: Unity from Diversity*, Honolulu, University of Hawaii Press, p.242.
28. *Persatuan Ulama Seluruh Aceh* (PUSA) được thành lập ngày 05/5/1939, tại Matang Geulumpang Dua, Bắc Aceh (nay là Bireuen). Đây là một tổ chức tôn giáo lớn và mạnh mẽ ở Aceh vào những năm 1950. Các học giả theo chủ nghĩa hiện đại khởi xướng và thành lập nên PUSA, tiêu biểu là Tgk Abdurrahman Meunasah Meucap, Ayah Hamid Samalanga, Tgk Abdullah Ujong Rimba, Tgk Muhammad Daud Beureu-eh... (Theo: MA, Prof Dr Amirul Hadi (2010). *Aceh: Sejarah, Budaya, dan Tradisi*. Yayasan Pustaka Obor Indonesia. ISBN 978-979-461-773-1).
29. Clive J. Christie (2000), *tlđđ*, tr.259.
30. Nguyễn Văn Hồng (2001), *tlđđ*, tr.117.
31. Bùi Thị Ánh Vân (2011), *tlđđ*, tr.33-40.
32. *Bhineka Tunggal Ika* là câu châm ngôn của người Java cổ. Văn bản đầu tiên đề cập đến cụm

- từ này vào thế kỷ XV là của nhà thơ Mpu Tantular của triều đại Mojohit. Đây là khẩu hiệu quốc gia chính thức của Indonesia, được khắc trên Quốc huy Indonesia, Garuda Pancasila, được viết trên cuộn giấy có móng vuốt của Garuda. Cụm từ này xuất phát từ ngôn ngữ Kawi, được dịch là “Thống nhất trong sự đa dạng”. Trong điều 36 A của Hiến pháp Indonesia có đề cập đến cấu trúc ngôn ngữ này. “Phương châm đề cập đến sự thống nhất và toàn vẹn của Indonesia, một quốc gia bao gồm nhiều nền văn hóa, ngôn ngữ khu vực, chủng tộc, sắc tộc, tôn giáo và tín ngưỡng”.
33. Mpu Tantular (1975), *Sutasoma, a Study in Old Javanese Wajrayana*, Santoso, Soewito (ed.), International Academy of Culture. p. 9.
 34. Năm nguyên tắc dựng nước của Sukarno là: Chủ nghĩa dân tộc, Chủ nghĩa nhân đạo, Dân chủ, Công bằng xã hội, Lòng tin Thượng đế.
 35. *Pancasila* (tiếng Indonesia: [ant#a'sila]) là lý thuyết triết học cơ bản, chính thức của nhà nước Indonesia. Pancasila gồm hai từ tiếng Java cổ có nguồn gốc từ tiếng Phạn: “pa#ca” (năm) và “s#la” (nguyên tắc):
 36. Niềm tin vào một Chúa duy nhất (“Ketuhanan Yang Maha Esa”).
 37. Một nhân loại công lý và văn minh (“Kemanusiaan Yang Adil và Beradab”).
 38. Một Indonesia thống nhất (“Persatuan Indonesia”).
 39. Dân chủ, dẫn dắt bởi sự khôn ngoan của các đại diện nhân dân (“Kerakyatan Yang Dipimpin oleh Hikmat Kebijaksanaan, Dalam Permusyawaratan Perwakilan”).
 40. Công bằng xã hội cho tất cả người Indonesia (“Keadilan Sosial bagi seluruh Rakyat Indonesia”).
 41. Kosky Zakaria (ed/1999). *Indonesia 1999: An Official Handbook*. Jakarta: Indonesian Department of Information, p. 43.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ali Shari'ati (1979), *On the sociology of Islam: lectures (Bàn về xã hội học đạo Islam)*, Berkeley: Mizan Press.
2. Audrey R Kahin (Chủ biên/1985), *Regional Dynamics of the Indonesian Revolution: Unity from Diversity (Động lực khu vực của cách mạng Indônêxia)*, Honolulu, University of Hawaii Press.
3. Ben Van Kaam (1980), *The South Moluccans: Background to the train hijackings (Nam Molucca: Bối cảnh của các vụ bắt cóc tàu hỏa)*, Hurt Publishing, London.
4. Clive J. Christie (2000), *Lịch sử Đông Nam Á hiện đại*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Daniel George Edward Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Phạm Gia Hải (cb/1992), *Lịch sử thế giới Cận đại (1871-1918)*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
7. Kahin, George McTurnan (1952, 1970), *Nationalism and Revolution in Indonesia*. Ithaca, New York: Cornell University Press, ISBN 978-0-8014-9108-5.
8. Kahin, George McTurnan (2000). “Sukarno’s Proclamation of Indonesian Independence” (PDF). *Indonesia*. Ithaca, NY: Cornell Modern Indonesia Project. 69 (69): 1-4. doi:10.2307/3351273. hdl:1813/54189. JSTOR 3351273.
9. Kosky Zakaria (ed/1999), *Indonesia 1999: An Official Handbook*. Jakarta: Indonesian Department of Information.
10. Phạm Gia Hải (cb/1992), *Lịch sử thế giới Cận đại (1871-1918)*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
11. Nguyễn Văn Hồng (1991), *Indonesia đấu tranh vì độc lập tự do (1942 - 1950)*, Đại học Tổng hợp Hà Nội, Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Hồng (2001), *Mấy vấn đề về lịch sử châu Á và lịch sử Việt Nam - Một cách nhìn*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
13. Madinier, Rémy (2015), *Islam and Politics in Indonesia: The Masyumi Party between Democracy and Integralism*. Translated by Desmond, Jeremy. Singapore: NUS Press. ISBN 978-9971-69-843-0.
14. MA, Prof Dr Amirul Hadi (2010), *Aceh: Sejarah, Budaya, dan Tradisi*. Yayasan Pustaka Obor Indonesia. ISBN 978-979-461-773.
15. Vũ Dương Ninh, Jan Pluvier, Nguyễn Văn Hồng (2005), *Đông Nam Á tháng Tám 1945*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
16. Ricklefs, M.C. (1981/2008), *A History of Modern Indonesia Since c. 1200* (4th ed.), Palgrave MacMillan, ISBN 978-0-230-54686-8.
17. Mpu Tantular (1975), *Sutasoma, a Study in Old Javanese Wajrayana*, Santoso, Soewito (ed.), International Academy of Culture.
18. Nguyễn Anh Thái (cb/1996), *Lịch sử thế giới hiện đại (1945-1995)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
19. Bùi Thị Ánh Vân (2011), “Nét độc đáo của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Indônêxia”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam* (ISSN: 0868 - 2739), Số 5 (134)/ 2011.
20. Viện Đông Nam Á (1974), *Các nước Đông Nam Á*, Nxb Sự thật, Hà Nội.